

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty quản lý bay Việt Nam tạm phê duyệt tại Quyết định số 643/QĐ-HĐTV ngày 18 tháng 12 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Trong năm 2019 Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

1.1.1. Sản lượng dịch vụ công ích năm 2019:

Tổng sản lượng cung cấp dịch vụ công ích năm 2019 thực hiện 343.658,86 giờ, đạt 100,004% kế hoạch năm. Trong đó:

- Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME và NDB: 214.440,36 giờ
- Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B: 111.707,74 giờ
- Dịch vụ VHF không địa tâm xa (Từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây): 17.510,76 giờ

1.1.2. Doanh thu:

Giá trị thực hiện 349,59 tỷ đồng, bằng 101,13% kế hoạch năm và tăng 12,70% so với năm 2018. Trong đó:

+ Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ công ích thực hiện 218,46 tỷ đồng, bằng 99,11% kế hoạch năm và tăng 6,38% so với năm 2018.

+ Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ ngoài công ích thực hiện 131,13 tỷ đồng, bằng 104,68% kế hoạch năm và tăng 25,06% so với năm 2018.

1.1.3. Chi phí:

Giá trị thực hiện 273,17 tỷ đồng, bằng 98,58% kế hoạch năm và tăng 12,02% so với năm 2018. Trong đó:

+ Chi phí phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ công ích thực hiện 160,44 tỷ đồng, bằng 93,42% so với kế hoạch năm và tăng 7,11% so với năm 2018.

+ Chi phí phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ ngoài công ích thực hiện 112,73 tỷ đồng, bằng 107,00% so với kế hoạch năm và tăng 19,84% so với năm 2018.

1.1.4. Lợi nhuận trước thuế: Giá trị thực hiện 76,42 tỷ đồng, tăng 10,57% so với kế hoạch năm và tăng 15,18% so với năm 2018.

1.1.5. Nộp ngân sách: Giá trị nộp ngân sách nhà nước năm 2019 đạt 43,43 tỷ đồng

1.1.6. Kim ngạch xuất khẩu năm 2019: Giá trị thực hiện đạt 2,48 triệu USD.

1.2. Kết quả đầu tư phát triển

- Năm 2019, Công ty triển khai thực hiện 31 dự án và 03 báo cáo đầu tư mua sắm nhỏ lẻ. Kết quả đã hoàn thành 05 dự án, 03 BCĐT mua sắm nhỏ lẻ; dừng thực hiện 04 dự án do dự án có tính phức tạp cần phải xem xét, nghiên cứu thêm, dự án không phù hợp với quy hoạch của Nhà nước và dừng theo Nghị quyết của Tổng công ty.

- Các dự án đều được triển khai đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, một số dự án bị chậm tiến độ như:

+ Dự án “Đầu tư đài DVOR/DME Rạch Giá” chậm tiến độ do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, các thủ tục liên quan đến đất đai;

+ Các dự án “Đầu tư bổ sung tuyến cáp nguồn và cáp tín hiệu từ đài DVOR/DME Phù Cát đến đài KSKL mới” và Dự án “Đầu tư xây dựng nhà trực đài DVOR/DME Cần Thơ” chậm tiến độ do thời gian thỏa thuận với các đơn vị liên quan kéo dài làm chậm thủ tục xin chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam;

+ Dự án “Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty tại 58 Trường Sơn, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh” chậm tiến độ do tiến độ triển khai thi công Gói thầu số 8 “Xây lắp tòa nhà cơ sở làm việc bao gồm Thi công xây dựng tòa nhà; Thiết bị công trình, Hạ tầng kỹ thuật; Sân đường nội bộ, Cổng, tường rào; Cây xanh, thảm cỏ” bị chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Trong năm, Công ty áp dụng thành công đấu thầu qua mạng đối với 03 gói thầu: Gói thầu “Mua sắm máy chiếu và màn chiếu” thuộc Báo cáo đầu tư “Mua sắm máy chiếu”, Gói thầu “Mua sắm máy photocopy” thuộc Báo cáo đầu tư “Mua sắm máy photocopy” và Gói thầu “Mua sắm máy hiện sóng” thuộc Báo cáo đầu tư “Mua sắm máy hiện sóng”.

- Giá trị giải ngân các dự án đầu tư năm 2019 là 40,64 tỷ đồng, bằng 52,06% kế hoạch năm TCT phê duyệt.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
A	DOANH THU		360,670
I	Dịch vụ công ích		
I.1	Sản lượng (Giờ cung cấp dịch vụ)	Giờ	348.970
1	Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME và NDB	Giờ	217.222
2	Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B	Giờ	114.192
3	Dịch vụ VHF không địa tâm xa (Từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây)	Giờ	17.556
I.2	Doanh thu trong công ích (Cung cấp dịch vụ CNS)		223,939
1	Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME và NDB	Tỷ đồng	158,621
2	Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B	Tỷ đồng	39,982
3	Dịch vụ VHF không địa tâm xa (Từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây)	Tỷ đồng	25,336
II	Doanh thu ngoài công ích		136,731
1	Doanh thu cung cấp Dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn	Tỷ đồng	40,294
2	Doanh thu cung ứng các sản phẩm CNHK	Tỷ đồng	27,067
3	Kinh doanh khác	Tỷ đồng	67,162
4	Thu nhập từ hoạt động tài chính và thu nhập khác	Tỷ đồng	2,208

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
B	TỔNG CHI PHÍ		283,141
1	Trong công ích	Tỷ đồng	175,146
2	Ngoài công ích	Tỷ đồng	107,995
C	Lợi nhuận trước thuế		78,046
D	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ đồng	54,997
E	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	48,62

2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020

2.2.1 Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2020:

Trong năm 2020, Công ty triển khai thực hiện 37 dự án đầu tư xây dựng với tổng mức đầu tư dự kiến là 322,751 tỷ đồng, kế hoạch giải ngân trong năm là 79,308 tỷ đồng, trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp từ năm 2019: 17 dự án
- + Dự án đầu tư mới năm 2020: 20 dự án

2.2.2 Kết quả đầu tư năm 2020 (dự kiến).

- Hoàn thành nghiệm thu và đưa vào khai thác sử dụng 24 dự án, công trình sau:

* Đối với các dự án chuyển tiếp từ năm 2019:

- + Dự án “Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty tại 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình –TPHCM”
- + Dự án “Đầu tư đài DVOR/DME Rạch Giá”
- + Dự án “Đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và hệ thống hội nghị trực tuyến”
- + Dự án “Đầu tư hệ thống quản trị mạng công nghệ thông tin của Công ty theo mô hình domain controller”
- + Dự án “Đầu tư bổ sung thiết bị và cung cấp dịch vụ ADS-B Trường Sa Lớn và Song Tử Tây”
- + Dự án “Đầu tư bổ sung tuyến cáp nguồn và cáp tín hiệu từ đài DVOR/DME Phù Cát đến Đài KSKL mới”

+ Dự án “Đầu tư xây dựng nhà trực đài DVOR/DME Cần Thơ”

* Đối với các dự án đầu tư mới năm 2020:

+ Dự án “Đầu tư nâng cấp Phòng thử nghiệm hiệu chuẩn VILAS trong lĩnh vực quang học”

+ Dự án “Thay thế, lắp đặt bổ sung ắc quy và bổ sung tấm năng lượng, mua sắm inverter/charger, bộ sạc năng lượng mặt trời làm vật tư dự phòng, mua sắm máy kiểm tra ắc quy cho hệ thống điện nguồn trạm CNS Trường Sa”

+ Dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện VHF tại Xưởng DVKT của Công ty”

+ Dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện VHF tại Xưởng DVKT của Công ty”

+ Dự án “Đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị dự phòng máy thu ADS-B cho hệ thống ADS-B”

+ Dự án “Đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị dự phòng máy thu ADS-B cho hệ thống ADS-B”

+ Dự án “Lắp đặt hệ thống camera giám sát cho đài DVOR/DME Vân Đồn, Phú Quốc và camera giám sát an ninh tại cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ”

+ Dự án “Lắp đặt bổ sung cầu chì tự rơi (FCO) và chống sét cho trạm biến áp nâng áp, hạ áp của các đài trạm CNS”

+ Dự án “Mua sắm ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh”

+ Dự án “Cung cấp, lắp đặt phần mềm kế toán, mua sắm hệ thống máy chủ phục vụ phần mềm kế toán của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay”

+ Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME&NDB Nam Hà”

+ Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Đồng Hới”

+ Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME Phú Quốc”

+ Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Nội Bài”

+ Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Thọ Xuân”

+ Dự án “Đầu tư mua máy in nhãn cho Xí nghiệp chế tạo thiết bị hàng không”

+ Dự án “Cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ của Công ty”

- Triển khai đúng tiến độ các dự án “Đầu tư đài DVOR/DME Cam Ranh”; dự án “Đầu tư bổ sung tần số VHF thứ 2 cho phân khu 4, phân khu 5 FIR HCM tại Trường Sa Lớn và Song Tử Tây”; dự án “Đầu tư và khai thác trạm VHF Côn Sơn cho phân khu 3, phân khu 4 của AACC HCM”.

- Hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư các dự án Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm RSC trên lĩnh vực ILS và ADS-B; dự án “Di chuyển trạm ADS-B Vinh và trạm ADS-B Mộc Châu về Pha Đin và Tam Đảo”.

- Nghiên cứu xây dựng trình phê duyệt đúng tiến độ Đề án tổ chức cung cấp dịch vụ bay hiệu chuẩn theo tinh thần Nghị quyết số 449/NQ-HĐTV ngày 20/9/2019 của HĐTV TCTQLBVN.

- Các dự án đầu tư được thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Công ty, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo kế hoạch được phê duyệt.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện giao và triển khai kế hoạch cho các bộ phận, đơn vị ngay từ đầu năm và đánh giá định kỳ kết quả thực hiện kế hoạch trên.

- Ban hành Quy định đánh giá hiệu quả của các bộ phận, đơn vị trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực cho các bộ phận, đơn vị hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Triển khai ký kết và thực hiện đúng cam kết hợp đồng về cung cấp dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát cho Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam; tiếp tục duy trì vững chắc năng lực đảm bảo khai thác kỹ thuật các trạm thông tin, giám sát trên quần đảo Trường Sa và Côn Sơn.

- Tiếp tục cung cấp dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn trên cơ sở duy trì thị phần, đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Tìm giải pháp đảm bảo cung cấp tàu bay ổn định, an toàn, hiệu quả và lâu dài cho dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn, đáp ứng yêu cầu bay kiểm tra PBN.

- Duy trì và phát triển kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp hàng không và kinh doanh khác. Triển khai kế hoạch phát triển thị trường và thương hiệu; Nâng cao hoạt động phát triển thị trường và bán hàng để duy trì mối quan hệ với các khách hàng truyền thống như VATM, ACV, SELEX, NESIC, đồng thời mở rộng sang khu vực phía Nam và các khách hàng mới...

- Tổ chức triển khai phương án quản lý và khai thác tòa nhà làm việc của Công

ty tại 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình –TPHCM.

- Bảo toàn và sử dụng có hiệu quả vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

2. Về công tác đầu tư:

- Triển khai sớm các dự án và tăng cường công tác giám sát các dự án đầu tư, tập trung tìm các biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn liên quan đến các thủ tục hành chính (thủ tục liên quan đến đất đai, những vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng ...) để đảm bảo tiến độ kế hoạch các dự án.

- Nâng cao năng lực và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý dự án chuyên ngành, quản lý chặt chẽ về tiến độ và chất lượng các dự án đầu tư.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung nâng cao năng lực trung tâm RSC theo hướng tập trung chủ yếu vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để cung cấp dịch vụ lắp đặt, thông điện, hiệu chỉnh.

3. Về công tác khoa học công nghệ:

- Đánh giá, sử dụng hiệu quả các nguồn lực nội bộ.

- Tìm kiếm, đẩy mạnh việc hợp tác với các cơ sở nghiên cứu KH-CN hàng đầu Việt Nam trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng KH & CN; Rà soát, cải tiến Quy chế hoạt động KH & CN để đảm bảo phù hợp với chương trình hành động của doanh nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực hàng không.

- Nâng cao kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề cho cơ quan quản lý, tham mưu; bộ phận chủ trì đề tài và các chủ nhiệm đề tài trong thực thi các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

- Phối hợp với Phòng KHKD và Phòng KTCL để xây dựng Danh mục các nhiệm vụ KH-CN theo nhu cầu thị trường và phương hướng sản xuất kinh doanh để đưa vào Kế hoạch quản lý rủi ro nhằm giám sát và quản lý thực hiện.

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng Danh mục các nhiệm vụ KH-CN cần đưa vào Kế hoạch quản lý rủi ro để thực hiện quản lý.

4. Về quản trị doanh nghiệp:

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp với mục tiêu tiết kiệm chi phí,

giảm giá thành, ổn định và nâng cao chất lượng.

- Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quản lý nội bộ của công ty nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.

- Thực hiện việc điều chỉnh, xây dựng lại và áp dụng chặt chẽ các định mức kinh tế, kỹ thuật cho quá trình sản xuất các sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm quản lý tốt hơn chi phí.

- Duy trì tốt công tác đánh giá năng lực định kỳ, làm cơ sở để triển khai các kế hoạch phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đến toàn thể người lao động trong Công ty, đặc biệt gắn việc xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro với việc quản lý an toàn cung cấp dịch vụ CNS và an toàn sản xuất kinh doanh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Giang

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA CÔNG TY**1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp**

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động:

+ Nguyên tắc xác định Quỹ tiền lương: Quỹ tiền lương của Người lao động phụ thuộc vào các chỉ tiêu: lao động thực tế sử dụng bình quân năm báo cáo, tiền lương bình quân kế hoạch, tốc độ tăng năng suất lao động và tốc độ tăng lợi nhuận so với kế hoạch (*theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH*).

+ Nguyên tắc xác định Quỹ thưởng ATHK: Quỹ thưởng ATHK được xác định trên cơ sở vận dụng văn bản số 982/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/03/2015 của Bộ Lao động Thương binh xã hội trả lời văn bản số 819/BGTVT-TCCB ngày 21/01/2015 của Bộ GTVT về hướng dẫn cách tính chế độ thưởng ATHK năm 2014 để xác định Quỹ thưởng ATHK 2015 đối với Người lao động và Tờ trình số 8314/TTr-QLB ngày 30/12/2016 được thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐTV ngày 09/01/2017 của Hội đồng thành viên TCT Quản lý bay Việt Nam;

+ Nguyên tắc xác định Quỹ tiền thưởng: Quỹ Khen thưởng - phúc lợi thực hiện của Người lao động được xác định bằng 03 tháng tiền lương không bao gồm quỹ thưởng ATHK (áp dụng trường hợp doanh nghiệp xếp loại A).

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

+ Nguyên tắc xác định quỹ tiền lương của Người quản lý: Quỹ tiền lương của NQL được xác định căn cứ vào mức lương cơ bản theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP và hệ số tăng thêm theo lợi nhuận thực hiện báo cáo so với lợi nhuận thực hiện năm trước (*Theo Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH*).

+ Nguyên tắc xác định Quỹ tiền thưởng ATHK của NQL: Quỹ thưởng ATHK của NQL được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/09/2010 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội (Khoản I, điều 13) về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, đồng thời vận dụng văn bản số 982/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/03/2015 của Bộ Lao động Thương binh xã hội trả lời văn bản số 819/BGTVT-TCCB ngày 21/01/2015 của Bộ GTVT trong việc xác định mức lương tối thiểu Công ty làm căn cứ xác định quỹ thưởng ATHK của NQL.

+ Nguyên tắc xác định Quỹ thưởng NQL thực hiện: Quỹ thưởng của NQL được xác định bằng 1,5 tháng tiền lương, không bao gồm quỹ thưởng ATHK (áp dụng trường hợp doanh nghiệp xếp loại A).

b) Quỹ tiền lương:

- Quỹ lương của lao động:

+ Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2019 của NLD (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 98.117.460.739 đồng.

+ Tổng quỹ lương thực hiện năm 2019 của NLD (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 102.468.912.630 đồng.

- Quỹ tiền lương của người quản lý doanh nghiệp:

+ Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2019 của NQL (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 3.070.055.836 đồng.

+ Tổng quỹ lương thực hiện năm 2019 của NQL (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 3.334.328.038 đồng.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với Người lao động và Người quản lý: Theo quy định của Nhà nước, Quy chế Trả lương - trả thưởng của Công ty và các văn bản có liên quan.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp: Theo quy định của Nhà nước, Quy chế Trả lương - trả thưởng của Công ty và các văn bản có liên quan

**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
NĂM 2019**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019		KH Năm 2020
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		I	I	Kế hoạch năm 2020 tạm thời chưa công bố thông tin
II	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG				
1	Lao động bình quân	Người	405	393	
2	Mức tiền lương bình quân	Đồng/tháng	19.442.343	20.997.730	
3	Quỹ tiền lương	Đồng	94.489.786.980	99.025.294.680	
4	Quỹ thưởng ATHK	Đồng	3.627.673.759	3.443.617.950	
5	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Đồng	20.549.402.261	19.758.302.029	
6	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	24.417.050	25.917.560	
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DN				
1	Số người quản lý doanh nghiệp (tính bình quân)	Người	6,67	6,54	
2	Mức lương cơ bản bình quân	Đồng/tháng	23.750.000	23.764.331	

3	Mức tiền lương bình quân	Đồng/ tháng	35.625.000	39.721.875
4	Quỹ tiền lương	Đồng	2.850.000.000	3.118.167.188
5	Quỹ thưởng ATHK	Đồng	220.055.836	216.160.850
6	Quỹ tiền thưởng	Đồng	356.250.000	389.770.899
7	Mức thu nhập bình quân của người quản lý DN	Đồng/ tháng	42.828.823	48.826.101

- Kế hoạch năm 2020 tạm thời chưa thực hiện công bố do: Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định 20/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 về việc thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn, tổng công ty Nhà nước nhưng Bộ LĐTBXH chưa có thông tư hướng dẫn và Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam cũng chưa có cơ chế thực hiện thí điểm lao động - tiền lương đối với Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay nên Công ty chưa có cơ sở để xây dựng Kế hoạch tiền lương theo Nghị định 20/2020/NĐ-CP.

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng: Việc xác định quỹ lương, quỹ thưởng của NLĐ và NQL Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay tuân thủ theo các quy định của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.

- Đề xuất, kiến nghị về chính sách tiền lương, tiền thưởng: Hiện nay, Nghị định số 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đã ban hành, được sử dụng để xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2020. Trong Nghị định 20/2020/NĐ-CP có nêu "Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị công ty mẹ quyết định thực hiện thí điểm quản lý đối với công ty con do công ty mẹ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, đảm bảo tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị công ty con không vượt quá mức tiền lương, tiền thưởng tối đa quy định đối với công ty mẹ". Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay cũng đã đề xuất chỉ tiêu tính đơn giá tiền lương khoán áp dụng cho Công ty tại công văn số 1236/CTCT ngày 22/11/2019 là chỉ tiêu (Tổng doanh thu - Chi phí chưa có lương). Kính đề nghị Tổng Công ty nghiên cứu, xem xét để quyết định cơ chế quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay theo Nghị định 20/2020/NĐ-CP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Giang

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
MST: 0104831665

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Công văn số 366/KTQLB-VP ngày 31/10/2020)

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	CPH					Các hình thức khác					
					Thành lập Ban Chi đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	x												Giữ nguyên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	



Nguyễn Hoàng Giang



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Tiến Thịnh

Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang

Giám đốc

Ông Phạm Quốc Đạt

Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/03/2019)

Ông Phạm Quang Tuấn

Phó Giám đốc

Ông Phan Quốc Hưng

Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2019)

Ông Đinh Nhật Minh

Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/07/2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Phạm mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Giang

Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020



Số: 003 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch, Ban Giám đốc
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21 tháng 01 năm 2020, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

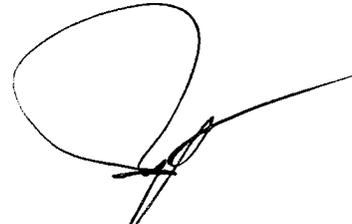
Vấn đề cần nhấn mạnh

- i. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 - Vốn chủ sở hữu, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2019, việc phân phối lợi nhuận này chưa được phê duyệt của chủ sở hữu là Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- ii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong quý 4, Công ty đã thực hiện tạm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị 60.812.666.824 VND trên cơ sở hợp đồng đã ký, biên bản nghiệm thu hoàn thành. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến những vấn đề này.




Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020



Ngô Tiến Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2016-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		296.484.172.822	218.558.728.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	177.093.511.992	106.914.380.159
1. Tiền	111		73.972.511.992	33.514.380.159
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.121.000.000	73.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.507.881.141	103.025.863.909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	77.440.832.589	70.872.694.747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.752.704.104	24.954.981.790
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.680.086.105	7.198.187.372
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.365.741.657)	-
III. Hàng tồn kho	140	8	17.536.684.887	7.518.604.008
1. Hàng tồn kho	141		17.795.135.089	7.759.317.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(258.450.202)	(240.713.554)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.346.094.802	1.099.880.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.346.094.802	1.099.880.013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.668.719.397	177.325.706.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	803.627.805
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	803.627.805
II. Tài sản cố định	220		138.617.339.177	129.407.255.279
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	132.755.242.454	122.050.996.479
- Nguyên giá	222		602.464.525.876	545.304.392.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(469.709.283.422)	(423.253.395.685)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5.862.096.723	7.356.258.800
- Nguyên giá	228		16.153.904.242	15.003.676.892
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.291.807.519)	(7.647.418.092)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		44.720.516.351	42.126.470.549
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	44.720.516.351	42.126.470.549
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.330.863.869	4.988.352.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.238.923.329	718.305.506
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		4.091.940.540	4.270.047.359
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		485.152.892.219	395.884.434.587

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		197.055.306.773	109.124.915.016
I. Nợ ngắn hạn	310		102.717.640.633	65.657.012.667
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	17.050.048.249	3.425.798.767
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	16.483.860.863	10.285.843.623
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	9.050.320.166	7.999.139.296
4. Phải trả người lao động	314		41.659.123.661	32.399.600.007
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.489.757.332	1.443.816.063
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.833.333	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		260.695.889	776.889.410
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		750.955.296	593.742.428
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.970.045.844	8.732.183.073
II. Nợ dài hạn	330		94.337.666.140	43.467.902.349
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13	74.172.869.020	28.842.855.684
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		598.015.650	614.015.238
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		19.566.781.470	14.011.031.427
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		288.097.585.446	286.759.519.571
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	288.097.585.446	286.759.519.571
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		279.084.000.000	279.084.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.379.272.440	1.556.768.393
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		634.313.006	6.118.751.178
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.361.294	948.440.599
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		583.951.712	5.170.310.579
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		485.152.892.219	395.884.434.587



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Ưông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số năm nay	Số năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	345.913.793.847	306.714.211.486
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		345.913.793.847	306.714.211.486
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	218.975.855.518	194.811.008.539
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		126.937.938.329	111.903.202.947
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.769.650.258	1.749.111.944
6. Chi phí tài chính	22		152.103.149	58.560.022
7. Chi phí bán hàng	25	23	195.796.803	(277.136.373)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	60.282.778.652	53.505.842.118
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		69.076.909.983	60.365.049.124
10. Thu nhập khác	31	21	909.564.182	1.747.030.716
11. Chi phí khác	32	22	64.342.114	1.760.205.125
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		845.222.068	(13.174.409)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.922.132.051	60.351.874.715
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	14.753.686.112	12.860.492.592
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		55.168.445.939	47.491.382.123



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Như Thành
Kê toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	419.089.545.348	347.292.198.617
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(83.384.201.638)	(109.207.133.175)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(87.284.173.705)	(97.344.895.455)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(14.850.373.421)	(13.635.385.754)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	16.162.277.356	17.137.508.194
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(106.455.615.708)	(104.017.252.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	143.277.458.232	40.225.039.462
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(56.315.922.005)	(30.811.699.849)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.224.382.490	1.215.042.412
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.091.539.515)	(29.596.657.437)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.998.754.664)	(12.302.378.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.998.754.664)	(12.302.378.091)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	70.187.164.053	(1.673.996.066)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	106.914.380.159	108.571.919.202
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.032.220)	16.457.023
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	177.093.511.992	106.914.380.159



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Như Thành
Kê toán trưởng

Ưng Thị Thu Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên sửa đổi lần 8 vào ngày 13 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 VND.

Trụ sở chính đặt tại số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 411 người (tại ngày 31/12/2018 là 408 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia);*
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Hoạt động chính

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không.

Ngoài ra, Công ty thực hiện cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau đây:

Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng chuyên ngành đặt tại số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-CTCT ngày 11/01/2017 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09/02/2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/04/2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại tổ 15, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28/10/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/01/2015).

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Các công ty con của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc: Quản lý chủ chốt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có một số vật tư, công cụ dụng cụ không biến động trong năm. Theo Ban Giám đốc Công ty, đây là số vật tư, công cụ, dụng cụ dùng để thay thế, sửa chữa, vẫn tiếp tục sử dụng nên Công ty xác định không trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2019
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, các khoản trả trước cho nhiều kỳ.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được theo dõi trên sổ sách kế toán và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ bằng 8,84% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trích lập quỹ trong năm phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam. Trong năm, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Quy chế tài chính của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ do Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	864.225.515	384.163.443
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.108.286.477	33.130.216.716
Các khoản tương đương tiền (i)	103.121.000.000	73.400.000.000
	177.093.511.992	106.914.380.159

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	77.440.832.589	70.872.694.747
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	51.761.497.896	46.616.036.609
Công ty Cổ phần Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	13.450.942.965	-
Các đối tượng khác	12.228.391.728	24.256.658.138
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (i)	52129300862	47.042.892.477

Ghi chú:

(i) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện lạnh VINASHIN	2.520.000.000	2.520.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Dзі An	1.859.193.510	-
Các đối tượng khác	4.373.510.594	22.434.981.790
	8.752.704.104	24.954.981.790

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a) Phải thu khác ngắn hạn</i>	17.680.086.105	-	7.198.187.372	-
Tạm ứng	1.055.551.179	-	995.453.657	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.743.783.457	-	4.952.463.679	-
Phải thu khác	880.751.469	-	1.250.270.036	-
<i>b) Phải thu khác dài hạn</i>	-	-	803.627.805	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	803.627.805	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	14.443.645	-	700.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.367.080.676	(242.114.584)	4.100.776.842	(224.377.936)
Công cụ, dụng cụ	197.773.319	(10.518.000)	179.209.683	(10.518.000)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.602.417.732	-	2.872.987.297	-
Thành phẩm	613.419.717	(5.817.618)	601.019.181	(2.257.697)
Hàng hoá	-	-	4.623.759	(3.559.921)
	17.795.135.089	(258.450.202)	7.759.317.562	(240.713.554)

Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với vật tư, hàng hóa kém, mất phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng. Biến động tăng số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho nguyên nhân chính do năm 2019, Công ty xác định thêm một số vật tư kém phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	85.273.852.744	450.564.643.069	7.805.583.125	1.660.313.226	545.304.392.164
Mua sắm mới trong năm	-	144.623.250	-	68.956.450	213.579.700
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.931.563.857	43.388.542.216	-	-	56.320.106.073
Tăng do TS hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	625.406.187	-	-	625.406.187
Tăng do điều chỉnh quyết toán xây dựng cơ bản	-	3.849.752	-	-	3.849.752
Giảm khác	(2.808.000)	-	-	-	(2.808.000)
Số dư cuối năm	98.202.608.601	494.727.064.474	7.805.583.125	1.729.269.676	602.464.525.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Số dư đầu năm	50.526.932.209	364.461.231.546	6.877.497.269	1.387.734.661	423.253.395.685
Khấu hao trong năm	5.947.329.569	40.166.260.736	247.961.322	94.336.110	46.455.887.737
Số dư cuối năm	56.474.261.778	404.627.492.282	7.125.458.591	1.482.070.771	469.709.283.422
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	34.746.920.535	86.103.411.523	928.085.856	272.578.565	122.050.996.479
Số dư cuối năm	41.728.346.823	90.099.572.192	680.124.534	247.198.905	132.755.242.454

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 283.259.476.599 VND (tại ngày 31/12/2018 là 256.406.154.609 VND).

Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 4.018.342.390 VND (tại ngày 31/12/2018 là 4.018.342.390 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	12.365.750.424	2.637.926.468	15.003.676.892
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	243.491.280	-	243.491.280
Tăng do TS hình thành từ quỹ PTKHCN	-	906.736.070	906.736.070
Số dư cuối năm	12.609.241.704	3.544.662.538	16.153.904.242
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	5.517.587.647	2.129.830.445	7.647.418.092
Khấu hao trong năm	1.592.816.434	1.051.572.993	2.644.389.427
Số dư cuối năm	7.110.404.081	3.181.403.438	10.291.807.519
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	5.498.837.623	363.259.100	5.862.096.723
Số dư đầu năm	6.848.162.777	508.096.023	7.356.258.800

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 3.803.592.829 VND (tại ngày 31/12/2018 là 2.547.670.138 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 46.441.914 VND (tại ngày 31/12/2018 là 46.441.914 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH KTQLB tại 58 TS	36.476.719.355	27.723.052.427
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Rạch Giá	7.451.599.691	6.336.663.942
Đầu tư VHF/VSAT Cà Mau	354.692.148	5.410.367.671
Đầu tư bổ sung các thiết bị chống sét cho các đài trạm CNS	-	2.446.909.242
Công trình khác	437.505.157	209.477.267
	44.720.516.351	42.126.470.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17.050.048.249	17.050.048.249	3.425.798.767	3.425.798.767
Công ty Selex Systems Integration Inc	8.799.695.010	8.799.695.010	-	-
Công ty TNHH Công nghệ Dicom	3.727.748.400	3.727.748.400	-	-
Các đối tượng khác	4.522.604.839	4.522.604.839	3.425.798.767	3.425.798.767
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (i)	-	-	454.880.200	454.880.200

Ghi chú:

- (i) Phải trả người bán là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.483.860.863	10.285.843.623
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	9.397.725.150	7.372.741.623
Công ty Selex Systems Integration Inc	2.014.741.560	452.952.000
Công ty Japan Radio Co,Ltd	2.590.199.040	-
Các đối tượng khác	2.481.195.113	2.460.150.000
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	74.172.869.020	28.842.855.684
Cục Hàng không Dân dụng Singapore	74.172.869.020	28.842.855.684

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
Phải nộp	7.999.139.296	43.426.836.424	42.375.655.554	9.050.320.166
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	5.140.936.357	17.110.659.646	16.356.563.857	5.895.032.146
- Thuế xuất nhập khẩu	-	83.603.348	83.603.348	-
- Thuế thu nhập cá nhân	62.021.246	5.558.877.984	5.498.961.565	121.937.665
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.796.181.693	14.753.686.112	14.850.373.421	2.699.494.384
- Thuế nộp thay nhà thầu	-	4.144.233.643	4.144.233.643	-
- Thuế đất	-	1.759.894.223	1.426.038.252	333.855.971
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
- Các khoản khác	-	9.881.468	9.881.468	-
	7.999.139.296	43.426.836.424	42.375.655.554	9.050.320.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	279.084.000.000	-	9.419.618.865	7.953.603.310	296.457.222.175
Lãi trong năm	-	-	-	47.491.382.123	47.491.382.123
Tăng trong năm	-	113.811.020	-	-	113.811.020
Giảm trong năm	-	(113.811.020)	-	-	(113.811.020)
Chuyển lợi nhuận sau thuế và Quỹ ĐTPT về Tổng Công ty	-	-	(22.095.156.721)	(12.302.378.091)	(34.397.534.812)
Phân phối lợi nhuận năm 2018	-	-	14.232.306.249	(37.023.856.164)	(22.791.549.915)
Số dư đầu năm nay	279.084.000.000	-	1.556.768.393	6.118.751.178	286.759.519.571
Lãi trong năm	-	-	-	55.168.445.939	55.168.445.939
Tăng trong năm	-	307.879.794	-	-	307.879.794
Giảm trong năm	-	(307.879.794)	-	-	(307.879.794)
Chuyển lợi nhuận sau thuế và Quỹ ĐTPT về Tổng Công ty	-	-	(9.685.530.831)	(18.998.754.664)	(28.684.285.495)
Phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	16.508.034.878	(41.654.129.447)	(25.146.094.569)
Số dư cuối năm nay	279.084.000.000	-	8.379.272.440	634.313.006	288.097.585.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2019, Công ty tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 16.508.034.878 VND và 25.146.094.569 VND dựa trên kết quả kinh doanh năm 2019. Số trích quỹ cuối cùng phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của chủ sở hữu Công ty.

Ngoài ra, trong năm 2019 Công ty đã thực hiện nộp lợi nhuận và Quỹ đầu tư phát triển về Tổng Công ty theo Quy chế tài chính là 18.998.754.664 VND và 9.685.530.831 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp tại ngày cuối năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%
	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.564.820,09	259.620,58
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	1.421,28	1.837,42

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
a) Doanh thu	345.913.793.847	306.714.211.486
Doanh thu bán hàng hóa	35.658.050.779	26.027.823.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	310.255.743.068	280.686.388.373
Doanh thu khác	-	-
b) Doanh thu đối với bên liên quan (ii)	236.130.783.179	216.706.371.399

Ghi chú:

- (i) Trong quý 4, Công ty đã thực hiện tạm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị 60.812.666.824 VND trên cơ sở hợp đồng đã ký, biên bản nghiệm thu hoàn thành. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.
- (ii) Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	28.315.351.179	18.081.293.425
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	190.642.767.691	176.731.183.413
Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17.736.648	(1.468.299)
	218.975.855.518	194.811.008.539

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.322.669.683	12.973.449.593
Chi phí nhân công	120.886.588.637	111.494.220.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.483.011.133	47.477.082.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.442.853.070	48.933.101.449
Chi phí khác bằng tiền	40.510.468.400	33.122.305.616
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	3.365.741.657	-
	298.011.332.580	254.000.159.667

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.453.201.930	1.437.791.612
Lãi chênh lệch tỷ giá	316.448.328	311.320.332
	2.769.650.258	1.749.111.944

21. THU NHẬP KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Thu tiền ký quỹ bảo lãnh bảo hành còn lại	582.622.076	-
Thu bồi thường	44.055.563	1.621.118.901
Các khoản khác	282.886.543	125.911.815
	909.564.182	1.747.030.716

22. CHI PHÍ KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí khắc phục tồn thất	-	1.679.397.818
Tiền phạt, truy thu thuế	33.776.994	-
Các khoản khác	30.565.120	80.807.307
	64.342.114	1.760.205.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	60.282.778.652	53.505.842.118
Tiền lương	34.146.373.629	32.176.386.870
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	26.136.405.023	21.329.455.248
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	195.796.803	(277.136.373)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	(576.719.871)	(1.503.058.965)
Trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	772.516.674	1.207.757.666
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	18.164.926
	60.478.575.455	53.228.705.745

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	69.922.132.051	60.351.874.715
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.607.343.038	3.950.588.243
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>3.882.867.208</i>	<i>4.037.597.056</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(275.524.170)</i>	<i>(87.008.813)</i>
Thu nhập chịu thuế	73.529.475.089	64.302.462.958
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.705.895.018	12.860.492.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2017, 2018 theo tờ khai điều chỉnh bổ sung	47.791.094	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.753.686.112	12.860.492.592

Trong năm, ngoài khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khoảng 3,6 tỷ đồng, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư trọng yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Bán hàng		236.130.783.179	216.706.371.399
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	233.006.694.550	212.257.018.931
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	72.864.630	459.962.353
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.143.224.000	2.442.247.273
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	170.532.352
Trung tâm Quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	431.818.182
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	907.999.999	944.792.308

Bên liên quan	Quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		52.129.300.862	47.042.892.477
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	51.761.497.896	46.616.036.609
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	34.869.632	42.914.905
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	37.517.117
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	332.933.334	346.423.846

Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lương	2.240.400.000	2.055.600.000
Thưởng và các khoản khác	96.250.000	199.450.000



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

Tầng 4, số 19 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

6th Floor, HUD Building, No. 159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Hai Phong Office

4th Floor, No. 19 Dien Bien Phu Street, May To Ward,
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn